

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						416 639	64 617	352 022			
I		CẢNG CHÍNH						71 087	5 328	65 759			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						6 100	5 328	772			
1		V-TRACO	03/06	945/05	18/06	BN 2388	CỤC XỎ 1C	1 450	743	707	DỖ	TD	
2		KDT MIỀN BẮC	10/06	986/06		MINH HẰNG 882	CÁM 5A.1	4 650	4 585	65	11/6	PTCB	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						64 987		64 987			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÛN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÛN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		XD CN MỎ	30/05	631/04	31/05	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		XD CN MỎ	30/05	730/04	31/05	BN 2276	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		XD CN MỎ	30/05	751/04	31/05	BN 0679	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	30/05	760/04	31/05	BN 1818	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
10		KDT BẮC THÁI	30/05	761/04	31/05	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		KDT BẮC THÁI	30/05	762/04	31/05	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/05	786/04	31/05	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L1
13		CROMIT THANH HOÁ	31/05	796/04	31/05	HD 2266	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
14		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
15		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÛN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
18		ĐT TMDV VINACOMIN	03/06	832-B/05	18/06	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	THAY TBGT SỐ 832/05 NGÀY 06/05/2025
19		THAN SÔNG HỒNG	02/06	834/05	17/06	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
20		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
21		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÛN 3B	1 408		1 408		TD	
22		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
23		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÛN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
24		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
26		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
27		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
28		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CẨM 2A.1	1 250		1 250		TD	
29		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CẨM 4A.1	1 250		1 250		TD	
30		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
31		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	
32		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
33		KDT CẦU ĐUÔNG	31/05	947/05	31/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
34		KDT HÀ NỘI	31/05	948/05	31/05	BN 1386	CẨM 4B.1	1 000		1 000		TD	
35		ĐT TMDV VINACOMIN	02/06	953/05	17/06	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
36		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
37		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
38		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
39		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
40		THAN SỐNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
41		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
42		XD CN MỎ	10/06	985/06		BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>241 900</u>	<u>34 214</u>	<u>207 686</u>			
		<u>Tàu đang làm hàng</u>						<u>50 800</u>	<u>34 214</u>	<u>16 586</u>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	05/06	970/06		HẢI NAM 89	CẨM 6A.14	30 200	30 214	- 14	10/06		TTCO: 21.700 - CLM:5.000 - KDT CP:4.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	05/06	975/06		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 5A.14	20 600	4 000	16 600	Dỡ		KDT CP:10.000 - CLM:10.600
		<u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>						<u>191 100</u>		<u>191 100</u>			
1		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.10	22 750		22 750			TTCO:22.750
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/06	966/06		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150		23 150			TTHG:20.000 - KVCP:3.150
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 5B.14	26 000		26 000			TTHG:13.000 - KDT CP:13.000
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/06	980/06		HẢI NAM 81	CẨM 6A.1	47 700		47 700			TTCO:25.000 - 22.700
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/06	982/06		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000		46 000			TTCO: 26.000 - TTHG:20.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>27 895</u>	<u>4 254</u>	<u>23 641</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>						<u>4 700</u>	<u>4 254</u>	<u>446</u>			
1		HÀ NỘI	09/6	419	24/6	BN 1758	Cục Xỏ 1A	1 000	999	1	10/6	TD	
2		HẢI PHÒNG	10/6	447	25/6	HD 7989	Cẩm 7B	1 850	1 836	14	10/6	PTCB	
3		HẢI PHÒNG	10/6	457	25/6	HD 6818	Cẩm 7A	1 850	1 418	432	dỡ	PTCB	
		<u>Tàu đã làm lệnh</u>						<u>23 195</u>		<u>23 195</u>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		CẦU ĐUÔNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000			
2		COALIMEX	02/6	80	15/6	THANH BÌNH 05	CÁM 7A	3 000		3 000			
3		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050			
4		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650			
5		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200			
6		COALIMEX	03/6	137	16/6	HD - 2299	CÁM 8A	1 976		1 976			
7		SÔNG HỒNG	03/6	141	16/6	HN - 1645	CÁM 8A	996		996			
8		CẦU ĐUÔNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000			
9		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963			
10		CP DVVT QNINH	04/6	193	17/6	HN 2422	CÁM 8A	2 100		2 100			
11		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660			
12		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050			
13		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050			
14		CẦU ĐUÔNG	04/6	221	17/6	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000			
15		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400			
16		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100			
<u>III</u>		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						-	-	-			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
<u>IV</u>		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>11 507</u>	<u>4 901</u>	<u>6 606</u>			
		Tàu đã làm hàng						<u>4 937</u>	<u>4 901</u>	<u>36</u>			
1		VTT VINACOMIN	09/6	395	24/6	BN 2397	Don 8a	1 020	1 001	19	10/6	TD	
2		KDT HÀ BẮC	07/6	341	22/6	BN 1388	Cám 5b.1	1 980	1 972	8	10/6	CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	10/6	442	25/6	BN 2332	Cám 5b.1	1 937	1 927	10	10/6	CBPT	
		Tàu đã làm lệnh						<u>6 570</u>		<u>6 570</u>			
1		THAN MIỀN NAM	10/6	472	25/6	TRƯỜNG XUÂN 36	Cục 4a.2	1 400		1 400			
							Cám 5a.1	1 750		1 750			
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	10/6	15		SON HẢI 08	Cám 6a.1	3 420		3 420			
<u>V</u>		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>25 000</u>	-	<u>25 000</u>			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						<u>25 000</u>		<u>25 000</u>			
1		Nhật Bản	09/06	3 319		MV MIMOSA	CÁM 3B.1	25 000		25 000			TTCO:14.000 - TTHG:8.000 - KDT MIỀN BẮC:3.000
<u>VI</u>		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		<u>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</u>				<u>39 250</u>	<u>15 920</u>	<u>23 330</u>			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 06 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

|

